

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025 (đợt tháng 7)**

| STT | MHS   | Tên ngành  | Họ và tên         |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Trình độ văn hóa | Tỉnh       | Huyện       | ĐT UT | Môn 1 | Môn 2 | Môn 3 | Điểm TC | Ghi chú     |
|-----|-------|------------|-------------------|-------|---------------------|-----------|------------------|------------|-------------|-------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| 1   | A6066 | Điều dưỡng | Trương Duy        | Thịnh | 25/12/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Cai Lậy     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 2   | A6067 | Điều dưỡng | Nguyễn Ngọc Anh   | Thư   | 14/12/2006          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 3   | A6072 | Điều dưỡng | Nguyễn Thị Thúy   | An    | 13/09/2007          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Mỏ Cày Nam  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 4   | A6075 | Điều dưỡng | Hồ Thị Kim        | Cương | 23/07/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 5   | A6076 | Điều dưỡng | Hồ Phước          | Lộc   | 22/01/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 6   | A6081 | Điều dưỡng | Trần Nguyễn Anh   | Thy   | 28/08/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 7   | A6087 | Điều dưỡng | Trần Thế Huy      | Hoàng | 24/06/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 8   | A6090 | Điều dưỡng | Nguyễn Thị Hồng   | Ấn    | 04/06/2006          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       | 6.80  | 5.90  | 7.00  | 19.70   |             |
| 9   | A6091 | Điều dưỡng | Lê Thụy Như       | Ngọc  | 11/11/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 10  | A6093 | Điều dưỡng | Nguyễn Hoàng Phúc | Lâm   | 24/03/2006          | Nam       | THPT             | Tây Ninh   | An Lục Long |       | 7.30  | 7.80  | 8.70  | 23.80   |             |
| 11  | A6094 | Điều dưỡng | Lâm Huỳnh Cát     | Tường | 12/12/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 12  | A6060 | Dược       | Võ Thị Kim        | Ngọc  | 13/03/2007          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Châu Thành  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 13  | A6061 | Dược       | Võ Trung          | Hiếu  | 15/09/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 14  | A6062 | Dược       | Hồ Thị Thùy       | Trang | 22/02/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 15  | A6063 | Dược       | Nguyễn Thành      | Vinh  | 02/01/1994          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       | 6.30  | 6.10  | 6.40  | 18.80   |             |
| 16  | A6064 | Dược       | Huỳnh Thị Anh     | Thư   | 25/02/2005          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cai Lậy     |       | 7.30  | 8.40  | 8.50  | 24.20   |             |
| 17  | A6068 | Dược       | Ngô Yến           | Ngọc  | 21/11/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cai Lậy     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 18  | A6069 | Dược       | Trịnh Minh        | Chiến | 29/10/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo     |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 19  | A6074 | Dược       | Phạm Thị Kim      | Ngân  | 17/02/1996          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       | 7.80  | 7.30  | 6.50  | 21.60   |             |
| 20  | A6078 | Dược       | Nguyễn Thị Mộng   | Thúy  | 26/12/1990          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | TX. Cai Lậy |       | 6.00  | 5.70  | 6.10  | 17.80   |             |
| 21  | A6079 | Dược       | Lê Tấn            | Trung | 17/12/1999          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành  |       | 7.40  | 7.40  | 7.80  | 22.60   |             |
| 22  | A6080 | Dược       | Mai Thị           | Anh   | 27/10/2000          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cái Bè      |       | 6.00  | 5.90  | 6.60  | 18.50   |             |
| 23  | A6082 | Dược       | Huỳnh Đoàn Bảo    | Nhi   | 13/01/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho  |       |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 24  | A6083 | Dược       | Trần Ngọc Lan     | Vy    | 14/01/2002          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cái Bè      |       | 7.90  | 8.10  | 7.90  | 23.90   |             |
| 25  | A6084 | Dược       | Lưu Thị Thanh     | Ngân  | 30/06/2004          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cai Lậy     |       | 6.40  | 7.00  | 7.60  | 21.00   |             |

| STT | MHS   | Tên ngành                   | Họ và tên        |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Trình độ văn hóa | Tỉnh       | Huyện        | ĐT U'T | Môn 1 | Môn 2 | Môn 3 | Điểm TC | Ghi chú     |
|-----|-------|-----------------------------|------------------|--------|---------------------|-----------|------------------|------------|--------------|--------|-------|-------|-------|---------|-------------|
| 26  | A6088 | Dược                        | Lê Ngọc Kim      | Ngân   | 10/06/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo      |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 27  | A6092 | Dược                        | Nguyễn Lê Minh   | Vy     | 15/11/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 28  | A6086 | Hệ sinh                     | Nguyễn Thanh     | Tâm    | 23/02/1988          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        | 7.70  | 7.50  | 7.90  | 23.10   |             |
| 29  | A6065 | Y sĩ đa khoa                | Nguyễn Khánh     | Thy    | 18/09/1997          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        | 6.60  | 6.00  | 8.50  | 21.10   |             |
| 30  | A6070 | Y sĩ đa khoa                | Huỳnh Tấn        | Lộc    | 08/11/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo      |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 31  | A6071 | Y sĩ đa khoa                | Phạm Ngọc Yến    | Nhi    | 02/06/2004          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Mỏ Cày Nam   |        | 8.00  | 7.60  | 8.00  | 23.60   |             |
| 32  | A6085 | Y sĩ đa khoa                | Nguyễn Lê Tường  | Vy     | 07/12/2006          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Châu Thành   |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 33  | A6089 | Y sĩ đa khoa                | Nguyễn Thị Khánh | Như    | 02/08/2007          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 34  | B6126 | Y sĩ đa khoa                | Nguyễn Thị       | Vô     | 01/12/1992          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Bình Đại     |        | 6.20  | 6.60  | 6.40  | 19.20   |             |
| 35  | B6128 | Y sĩ đa khoa                | Huỳnh Thị Cẩm    | Ly     | 14/11/1988          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        | 6.00  | 5.50  | 5.50  | 17.00   |             |
| 36  | B6129 | Y sĩ đa khoa                | Nguyễn Thị Ngọc  | Đào    | 24/01/1992          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tân Phú Đông |        | 6.80  | 7.00  | 6.90  | 20.70   |             |
| 37  | B6130 | Y sĩ đa khoa                | Phạm Thị Hồng    | Gấm    | 30/07/2002          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cái Bè       |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 38  | C6025 | Y sĩ đa khoa                | Phan Thị Hồng    | Thêu   | 09/08/2002          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Chợ Gạo      |        | 7.80  | 7.70  | 8.20  | 23.70   |             |
| 39  | C6026 | Y sĩ đa khoa                | Trần Phương      | Thảo   | 30/10/1992          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Chợ Lách     |        | 7.30  | 7.00  | 7.00  | 21.30   |             |
| 40  | C6027 | Y sĩ đa khoa                | Thái Thị Kim     | Hòa    | 08/09/1991          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | TX. Cai Lậy  |        | 6.10  | 6.30  | 6.40  | 18.80   |             |
| 41  | A6073 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Hồ Phi           | Dương  | 19/12/2007          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        |       |       |       |         | Hồ sơ thiếu |
| 42  | B6131 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Nguyễn Văn       | Cường  | 25/05/1984          | Nam       | THPT             | Bến Tre    | Tp. Bến Tre  |        | 6.20  | 6.60  | 6.30  | 19.10   |             |
| 43  | C6023 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Lao Thị Ngọc     | Hân    | 18/05/1985          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Tp. Mỹ Tho   |        | 5.60  | 5.50  | 6.00  | 17.10   |             |
| 44  | C6024 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Trần Nhật        | Sang   | 14/09/2000          | Nam       | THPT             | Tiền Giang | Tân Phước    |        | 6.10  | 6.00  | 7.20  | 19.30   |             |
| 45  | D6020 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Lê Thị Kim       | Phượng | 09/07/1985          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Tp. Bến Tre  |        | 8.00  | 8.10  | 8.10  | 24.20   |             |
| 46  | D6022 | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Bùi Thị Thu      | Hằng   | 16/03/1989          | Nữ        | THPT             | Bến Tre    | Giồng Trôm   |        | 7.10  | 7.20  | 6.90  | 21.20   |             |
| 47  | A6077 | Kỹ thuật Xét nghiệm y học   | Huỳnh Thị Huyền  | Trân   | 13/10/2002          | Nữ        | THPT             | Tiền Giang | Cái Bè       |        | 7.10  | 7.00  | 7.20  | 21.30   |             |

Danh sách này có 47 thí sinh./

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2025 (đợt tháng 7)**

| STT | MHS   | Tên ngành | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Trình độ văn hóa | Tỉnh    | Huyện      | ĐT UT | Môn 1 | Môn 2 | Môn 3 | Điểm TC | Ghi chú |
|-----|-------|-----------|--------------------|---------------------|-----------|------------------|---------|------------|-------|-------|-------|-------|---------|---------|
| 1   | D6021 | Dược      | Cao Đăng Hiếu Thảo | 23/12/2000          | Nữ        | THPT             | Long An | Tp. Tân An |       | 7.80  | 7.80  | 7.60  | 23.20   |         |

Danh sách này có: 01 thí sinh./.